

Số: 04/2021/QĐST-HNGĐ

Tp. Hưng Yên, ngày 29 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2021 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

1. Anh Lê Hải T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà 108 L, phường M, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

2. Chị Hà Thị T1, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Đội 1, thôn L1, xã H, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Lê Tùng L2, sinh ngày 10/10/2016;

Cháu Lê Hải L3, sinh ngày 11/9/2014.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu L2 và L3 là anh T và chị T1 (bố, mẹ đẻ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Năm 2013, anh Lê Hải T và chị Hà Thị T1 trên cơ sở tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H,

thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phá sản. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về cách nuôi dạy con, về sinh hoạt gia đình, về tài chính kinh tế. Vợ chồng ly thân từ năm 2016 cho đến nay, cuộc sống không ai quan tâm đến ai. Nay, anh T và chị T1 đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của anh T và chị T1 nên được chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Anh T và chị T1 có 02 con chung là Lê Hải L3, sinh ngày 11/9/2014 và Lê Tùng L2, sinh ngày 10/10/2016. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận thống nhất giao cháu L3 cho anh T và giao cháu L2 cho chị T1, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc đến khi các con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào. Xét đây là sự tự nguyện của anh T và chị T1 nên được chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự khẳng định không có tài sản, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về lệ phí*: Anh T và chị T1 thỏa thuận, chị Thảo tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Hải T và chị Hà Thị T1.

1.2. *Về con chung*: Anh T trực tiếp nuôi con Lê Hải L3, sinh ngày 11/9/2014. Chị T1 trực tiếp nuôi con Lê Tùng L2, sinh ngày 10/10/2016, cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

Anh Lê Hải T và chị Hà Thị T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa: Chị Hà Thị T1 tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T1 đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2019/0001346 ngày

07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Chị T1 đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS. TP Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã H, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên .(GCNKH, số 29, quyển số 01 ngày 06/12/2013)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Kim Anh